



NHẬN DIỆN KIẾN TRÚC ĐÌNH LÀNG VÙNG PHÚ XUÂN THỜI CHÚA NGUYỄN

Phạm Đăng Nhật Thái, Trần Thành Nhân*

Trường Đại học Khoa học Đại học Huế, 77 Nguyễn Huệ, Huế, Việt Nam

Tóm tắt: Thời các chúa Nguyễn, Phú Xuân đã hai lần được chọn làm chính dinh: lần thứ nhất (1687–1712) dưới thời chúa Nguyễn Phúc Thái và lần hai (1738–1775) dưới thời chúa Nguyễn Phúc Khoát. Trong cả hai lần này, các chúa Nguyễn đã để lại nhiều dấu ấn về các công trình kiến trúc, trong đó có kiến trúc đình làng. Tuy nhiên, hiện nay những dấu xưa ấy đã không còn mà sự thay đổi qua thời gian khiến những đình làng xưa không còn nguyên vẹn về mọi mặt. Do đó, trong bài báo này, chúng tôi sẽ bước đầu nhận diện kiến trúc đình làng Thừa Thiên Huế vùng Phú Xuân thời chúa Nguyễn qua các đình làng tiêu biểu như đình làng Vạn Xuân, Thủ Lễ, Cổ Lão, Quy Lai, Phú Xuân, Văn Xá, Lại Thế, Long Hồ, Hạ Lang và An Hòa dưới nhiều góc độ trong đó chú trọng đến mảng kiến trúc và văn bia thể hiện đặc trưng riêng của đình làng Thừa Thiên Huế vùng Phú Xuân thời chúa Nguyễn nhằm gìn giữ và lưu lại trong quá trình trùng tu, bảo tồn loại hình kiến di sản này.

Từ khóa: vùng Phú Xuân thời chúa Nguyễn, kiến trúc đình làng, văn bia đình làng

1. Đặt vấn đề

Kể từ khi Đoàn Quốc công Nguyễn Hoàng vào Đàng Trong (1558) để xây dựng cơ đồ, tạo lập một giang sơn riêng là cả một quá trình cam go và biến đổi không ngừng trên nhiều phương diện. Trong đó, có cả việc xây dựng các công trình và định hình phong cách kiến trúc để khác hẳn và tách biệt với phía Đàng Ngoài. Đồng thời, kết hợp với việc củng cố, xác lập vị trí thủ phủ là trung tâm chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội của đất Đàng Trong.

Chính quyền Đàng Trong đã trải qua tám lần thay đổi vị trí, trong đó từ thủ phủ cũ Kim Long (1636–1687) đến thủ phủ mới Phú Xuân lần thứ nhất (1687–1712) rồi lại Phú Xuân lần hai (1738–1775). Qua mỗi lần di chuyển, quy mô xây dựng và vai trò của thủ phủ ngày càng được nâng lên, khẳng định dần về các mặt quân sự, chính trị, kinh tế, văn hóa, cũng như định hình về mặt kiến trúc đặc trưng, đồng thời gắn với việc phát triển đối với sự nghiệp của chúa Nguyễn đối với Đàng Trong.

Trong việc định hình loại hình kiến trúc đặc trưng của vùng Phú Xuân thì chùa, điện, đền, miếu đã được nhắc đến nhiều qua ngòi bút của Lê Quý Đôn cũng như các giáo sĩ phương Tây và các thiền sư. Tuy nhiên, riêng mảng kiến trúc đình làng ở thủ phủ Phú Xuân, mặc dù có

**Liên hệ:* nhatthaikts81@gmail.com

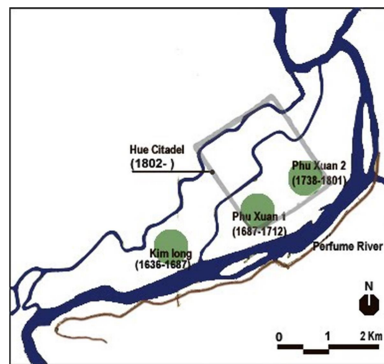
Nhận bài: 21-11-2019; Hoàn thành phản biện: 02-01-2020; Ngày nhận đăng: 19-01-2020

đề cập nhưng chưa toàn diện. Do đó, chúng tôi bước đầu nhận diện kiến trúc đình làng Thừa Thiên Huế vùng Phú Xuân thời chúa Nguyễn qua các làng tiêu biểu như: Vạn Xuân, Thủ Lễ, Cổ Lão, Quy Lai, Phú Xuân, Văn Xá, Lại Thế, Long Hồ, Hạ Lang và đình làng An Hòa, dưới nhiều góc độ, trong đó chú trọng đến mảng kiến trúc và văn bia thể hiện đặc trưng riêng của đình làng Thừa Thiên Huế thời Phú Xuân.

Vùng Phú Xuân đã trải qua một thời kỳ bị nội chiến và thiên tai tàn phá, cho nên việc tìm lại những hình ảnh của các công trình kiến trúc ở thời kỳ này là một việc làm quá khó. Việc tìm lại nó qua những tư liệu cụ thể là hầu như không thể. Tuy nhiên, để bóc tách, lược nhật các mẫu thông tin của lịch sử, của di họa, văn bia, điêu khắc trên đá, trên gỗ là tia sáng le lói trong công cuộc tìm về văn hóa, kiến trúc thời bấy giờ để góp phần từng bước lưu lại và biên tập tiến trình văn hoá, kiến trúc, nghệ thuật không chỉ thời Phú Xuân nói riêng mà còn cho Thừa Thiên Huế ngày nay.

2. Sự ra đời của đình làng ở Phú Xuân thời các chúa Nguyễn

Dưới thời các chúa Nguyễn, khi Phú Xuân đã hai lần được chọn làm thủ phủ (Hình 1) thì các công trình kiến trúc ở các làng xung quanh Chính dinh cũng có sự đầu tư xây dựng trở thành một thiết chế văn hóa kết nối dòng tộc, làng xã với Đàng Trong. Một điều dễ nhận thấy rằng, đặc điểm nổi bật của nghệ thuật thế kỷ XVI–XVII là sự phục hồi và phát triển vốn nghệ thuật dân gian cổ truyền “Về kiến trúc, ngoài cung điện và lăng mộ của vua quan, đình, đền và chùa là những loại kiến trúc tương đối phát triển”[1].



Hình 1. Bản đồ sự chuyển dịch vị trí của thủ phủ Phú Xuân

Qua quá trình điền dã khảo sát và nghiên cứu kiến trúc đình làng Thừa Thiên Huế, chúng tôi nhận thấy rằng, các đình làng đang ẩn chứa nhiều thông điệp về kiến trúc, lịch sử, văn hóa trong dòng chảy văn hóa Phú Xuân cho đến ngày hôm nay qua các đình làng tiêu biểu

¹ Ủy ban Khoa học xã hội Việt Nam (1971), *Lịch sử Việt Nam. Tập 1*, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội, tr. 307.

mà chúng tôi khảo cứu dưới đây qua tiến trình thời gian thành lập làng cũng như xây dựng đình làng và văn bia trên các đình làng còn lưu lại.

Bảng 1. Danh sách các đình làng tiêu biểu vùng Phú Xuân thời chúa Nguyễn

Stt	Tên đình làng	Địa chỉ	Thời gian xây dựng
1	Đình làng Vạn Xuân	Kiệt 95 Vạn Xuân, phường Vạn Xuân, t.p. Huế	~ Giữa/ cuối thế kỷ XVI
2	Đình làng Thủ Lễ	Thị trấn Sịa, huyện Quảng Điền	Cuối thế kỷ XVI
3	Đình làng Cỏ Lão	Xã Hương Toàn, thị xã Hương Trà	~ Cuối thế kỷ XVI / đầu XVII
4	Đình làng Quy Lai	Xã Phú Thanh, huyện Phú Vang	~ Cuối thế kỷ XVI / đầu XVII
5	Đình làng Phú Xuân	69 Thái Phiên, phường Tây Lộc, t.p. Huế	~ 1687
6	Đình làng Văn Xá	Phường Hương Văn, thị xã Hương Trà	~ Thế kỷ XVII
7	Đình làng Lại Thế	Thôn Lại Thế, xã Phú Thượng, huyện Phú Vang	1741
8	Đình làng Long Hồ	Phường Hương Hồ, thị xã Hương Trà	1753
9	Đình làng Hạ Lang	Xã Quảng Phú, huyện Quảng Điền	1765
10	Đình làng An Hòa	Phường An Hòa, t.p. Huế	1776

2.1. Đình làng Vạn Xuân

Làng Vạn Xuân được thành lập muộn vào thời các chúa Nguyễn so với các làng khác tại vùng kế cận. Sách Phủ biên tạp lục của Lê Quý Đôn soạn năm 1776 cho biết giáp Vạn Xuân thuộc tổng Phú Xuân, huyện Hương Trà, phủ Triệu Phong, xứ Thuận Hóa^[2]. Đến năm 1803, Vạn Xuân là một trong tám làng phải di chuyển để xây dựng kinh thành Huế. Nơi đây còn nhiều phủ đệ của các ông hoàng bà chúa thời Nguyễn.

Không có sử liệu nào ghi chép về thời điểm xây dựng đình làng Vạn Xuân. Tuy nhiên, truyền thống làng Việt luôn quan trọng việc dựng hệ thống Đình – Chùa – Miếu khi làng chính thức được thành lập. Vì thế, có thể đoán rằng, đình làng Vạn Xuân được người dân dựng lên từ thời điểm thành lập làng, tức là khoảng giữa hoặc cuối thế kỷ XVI. Tương truyền, nguyên đình được dựng ở khuôn đất thuộc địa phận nhà thờ Kim Long (Xuân Long) sau khi dời về đây. Ban đầu, khi dựng đình làng, người dân chỉ dùng tre nứa, phên dậu dựng khung, và dùng rom rạ để lợp mái. Đình làng Vạn Xuân ngày nay vẫn nằm đúng vị trí như ngày trước và không hề có sự dịch chuyển, chỉ phát triển hơn về mặt kiến trúc và quy mô. Qua ghi chép còn lại trên hệ thống rường tròn thì đình Vạn Xuân được trùng tu vào các năm 1816, 1832 và 1953, xây tường bao quanh năm 1958 và vào tháng 4 năm 2009 thì tiếp tục trùng tu.

² Lê Quý Đôn, *Phủ biên tạp lục*, Trần Đại Vinh dịch và bổ chính, Nxb Đà Nẵng, 2015, trang 58.

Hệ thống kết cấu của đình khá chắc chắn với quy mô kiến trúc 3 gian 2 chái kép, với kiểu thượng trên hạ xuyên, các kèo được bào tron chạy chỉ, không chạm trổ. Mái của đình được lợp với dạng ngói móc Hạ Long. Hầu hết các đòn tay của đình là hình trụ vuông. Các đường sóng mái được đắp bằng xi măng và gắn sành sứ. Biểu tượng mặt rồng đội quả cầu lửa ở giữa đình mái. Các linh vật long, lân, quy, phụng ở các vị trí góc và giao mái. Tất cả các họa tiết trang trí đều được chạm khắc tinh xảo và có gắn sành sứ. Đình có mặt chính quay về hướng Nam (185°).

2.2. Đình làng Thủ Lễ

Theo *Ô châu cận lục* của Dương Văn An, làng Thủ Lễ thuộc huyện Đan Điền, phủ Triệu Phong, xứ Thuận Hóa. Khi Lê Quý Đôn biên soạn *Phủ biên tạp lục* thì làng thuộc tổng Phù Lê, huyện Quảng Điền, phủ Triệu Phong, xứ Thuận Hóa. Trải qua bao đời thay, diễn biến của lịch sử thì tên làng Thủ Lễ vẫn không hề thay đổi.

Làng Thủ Lễ vẫn còn các công trình kiến trúc như: đình – chùa – miếu – am, thể hiện niềm tin của con người tự cư từ thuở khai hoang lập làng. Trong đó công trình kiến trúc nổi bật và có giá trị nhất ở làng Thủ Lễ vẫn chính là ngôi đình làng. Khi làng được thành lập thì việc xây dựng đình làng để thờ tự trở nên cấp thiết và có thể nói đình Thủ Lễ được xây dựng vào cuối thế kỷ XVI. Tuy nhiên, ngôi đình hiện tại của làng Thủ Lễ được xây lại vào đầu thế kỷ XIX, năm Minh Mạng thứ 16 (1835) và được khắc ghi chữ Hán trên trụ đội nhị tả nội. Đến năm Thiệu Trị thứ 3 (1843), đình lại có một cuộc trùng tu khác, cũng được khắc ghi chữ Hán trên trụ đội nhất tả nội. Ngoài ra, cuộc đại trùng tu năm 1893 đã cho đình có kiến trúc như ngày nay. Liên tiếp các năm 1994 đình được xây lại cổng bốn trụ biểu, năm 1996 dựng bia ở phía trước hồ của mặt đình và đúc lại nền của sân, năm 1998 phục dựng lại các bức hoành phi trong nội thất của đình. Đình làng Thủ Lễ nay đã được công nhận di tích kiến trúc nghệ thuật cấp tỉnh theo quyết định số 761/QB-UBND ngày 04-5-2012 và cấp Quốc gia theo quyết định số 61/1999/QĐ/BVHTT ngày 13-9-1999.

2.3. Đình làng Cổ Lão

Theo *Phủ biên tạp lục* của Lê Quý Đôn, làng Cổ Lão thuộc tổng Đồng Lâm, huyện Quảng Điền. Và dựa theo gia phả của các dòng họ khai canh, rõ nhất là theo gia phả của dòng họ Hoàng Tăng (khai khẩn) có ghi: “*Tổ tiên là những người dân Nam tiến đầu tiên theo chúa Nguyễn Hoàng rời quê hương Thanh Hóa, đi tìm một vùng đất trù phú... Ban đầu các ngài dừng chân ở châu thổ sông Bồ... Các ngài đã tiếp tục khai phá, mở mang ruộng vườn cùng với các họ khác lập nên làng Cổ Lão ở vùng Trung Giang xú ven sông Bồ, đời đời tiếp nối, con cháu sum vầy*”[3].

Ngoài ra, theo lời kể của các bậc cao niên và gia phả họ Phan thì hai ngài Khai canh vốn là hai cha con. Ngài Phan Đình Dương, Phan Phước Đức sau ngày di cư vào Nam, những buổi

³ Wedside: <http://hue.darkvn.net/diem-den/dinh-co-lao/>

đầu sinh sống và lập nghiệp tại vùng đất thuộc thôn Lại Bằng (nay là phường Hương Vân, thị xã Hương Trà).

Ban đầu, khi dân cư đến vùng đất này sinh sống và lập làng, ngôi đình được cất lên dưới dạng một ngôi nhà nhỏ để thờ tự. Như vậy, có thể nói lịch sử đình làng Cổ Lão có thể tính từ cuối thế kỷ XVI – đầu thế kỷ XVII với chất liệu tranh tre nứa lá. Theo lời kể của các vị lớn tuổi, đình làng về sau được xây dựng lại với gạch, gỗ lim, gỗ mít và lợp ngói liệt... với dáng dấp của nhà rường xứ Huế. Theo thời gian, sử liệu mất mát và niên đại xây dựng đình không còn được lưu giữ. Tuy nhiên, chỉ có mốc năm 1936 là được ghi chép cụ thể với một cuộc đại trùng tu gần như xây mới hoàn toàn nhưng vẫn ở nguyên vị trí ban đầu, không có sự dịch chuyển. Từ đó, ngôi đình làng Cổ Lão mới có hình dáng như bây giờ. Ngoài những đợt sửa chữa các chi tiết nhỏ trong hệ kết cấu gỗ của đình thì vào các năm 1955, 1958, 1962, 1998 và 2007, đình đã được trùng tu lớn, nhưng kiến trúc nguyên thủy của đình làng Cổ Lão vẫn được giữ nguyên. Kiến trúc đình làng Cổ Lão đã được UBND tỉnh Thừa Thiên Huế xếp hạng di tích cấp tỉnh theo quyết định số 158/QĐ-UBND ngày 20-01-2010.

2.4. Đình làng Quy Lai

Làng Quy Lai vốn là một trong 60 ngôi làng cổ thuộc huyện Kim Trà [4]. Theo *Địa bạ triều Nguyễn* thuộc Tổng An Hòa, huyện Hương Trà. Trong đó, Tổng An Hòa có sáu làng (năm xã, một thôn) gồm: An Bửu xã, Diển Phái xã, Hải Trình xã, Hòa An xã, Quy Lai xã và Đàm Trụ thôn. Truyền rằng, họ Phạm và họ Hồ đồng khai canh khai khẩn làng Quy Lai hồi cuối thế kỷ XVI, đầu thế kỷ XVII. Sau này còn có thêm họ Dương. Ngải Thủy tổ họ Phạm của làng Quy Lai là Phạm Như Nghi, vốn là người từ miền Bắc vào Nam lập nghiệp thời chúa Nguyễn Hoàng.

Lần theo mốc thời gian khai canh khai khẩn của các họ trên đất làng Quy Lai, có thể khẳng định rằng đình làng Quy Lai đã được dựng từ buổi đầu lập làng khoảng cuối thế kỷ XVI hoặc đầu thế kỷ XVII. Tuy nhiên, kiến trúc hoàn chỉnh nhất hiện tại của đình là vào thế kỷ XIX.

Trải qua các đợt trùng tu nhỏ và lớn, đình làng Quy Lai ngày nay mang dáng dấp chủ đạo của kiến trúc đình làng thời Nguyễn với hệ kết cấu gỗ tháo lồi thượng trên – hạ xuyên. Trong đó, nhà tiền đình có năm gian không chái và nhà chính đình là ba gian hai chái kép. Tiếp nối giữa nhà tiền đình và nhà chính đình là trên thừa lưu (*trên thừa lưu*), ở trên là máng xối bằng tôn và được che lại bởi hệ thống lam ri trần bằng gỗ. Đình làng Quy Lai nay đã được công nhận di tích kiến trúc nghệ thuật cấp Quốc gia theo quyết định số 43/2005/QĐ-BVHTT ngày 22-8-2005.

⁴ Dương Văn An (2001), *Ô Châu cận lục*. Trần Đại Vinh, Hoàng Văn Phúc dịch chú và hiệu đính, Nxb. Thuận Hóa, Huế, tr. 58.

2.5. Đình làng Phú Xuân

Làng Phú Xuân có tên cũ là Thụy Lôi, được thành lập vào đầu thế kỷ XV. Cộng đồng khai canh đã lấy lên làng Thụy Lôi cũ của họ ở huyện Kim Bảng, phủ Lý Nhân, trấn Sơn Nam Thượng để đặt tên làng trên vùng đất mới tại huyện Trà Kệ, Châu Hóa. Vùng đất của làng Thụy Lôi đã được đổi tên là làng Phú Xuân kể từ năm Đinh Mão (1687), khi chúa Nguyễn Phúc Thái quyết định dời phủ ở Kim Long về vùng đất mới ở khu vực làng này. Từ đó làng Phú Xuân được xây dựng trở thành chính dinh Phú Xuân của các đời chúa Nguyễn tiếp theo và đã phát triển địa bàn lãnh thổ của đất nước về phía Nam, cũng là kinh đô của triều đại nhà Nguyễn sau này.

Như vậy, trên vùng đất làng Phú Xuân, chắc chắn rằng sẽ có nơi để án thờ của các vị đầu tiên tổ chức định cư khai canh và bốn thổ Thành hoàng với cấu trúc được dựng lên với khung tre, thân cây gỗ mộc mạc dựng khung và phen tre, rom rạ kết lại thành mảng để lợp mái làm vách như dạng thảo am. Từ đó, vị trí ngôi đình của làng Phú Xuân hình thành và là nơi tế ngài khai canh của làng Phú Xuân hàng năm. Trải qua bao biến động của lịch sử (1687–1775) về sự dịch chuyển vị trí của phủ cũ (từ làng Kim Long) đến phủ mới (chính dinh) lần thứ nhất của thời chúa Nguyễn Phúc Thái (1687) rồi *“đến năm 1739 chúa Nguyễn Phúc Khoát lên ngôi lại cho xây phủ mới bên tả phủ cũ, một số dân Phú Xuân lại phải di dời lần nữa. Hai lần di dời này, một nhóm dời về vùng cát ven đầm phá ở Phú Vang lập ấp Xuân Ổ, nay thuộc xã Phú Xuân, huyện Phú Vang. Nhóm khác lại ra tận bờ nam sông Ô Lâu, sát làng Phước Tích lập thành phường khách hộ Phú Xuân”* [5].

Mặc dù có nhiều biến động về lịch sử nhưng đình làng Phú Xuân vẫn là một minh chứng cho loại hình kiến trúc di sản đình làng đặc trưng gắn với sự hình thành và phát triển của vùng đất Phú Xuân. Năm 1804, vua Gia Long cho triệt hạ toàn bộ đô thành, cũng như các công trình, dinh thự trên đất Phú Xuân cũ để xây dựng Kinh thành mới cũng trên vùng đất Phú Xuân này. Tuy nhiên, điều đặc biệt là vua Gia Long vẫn cho giữ nguyên kiến trúc ngôi đình làng Phú Xuân. Vì vậy, đình làng Phú Xuân là công trình kiến trúc dân gian duy nhất được tồn tại trong khuôn viên Kinh thành Huế. Một lần nữa, đình làng Phú Xuân chính là minh chứng rõ nét chứng tỏ lòng thành kính ngôi đình, là nơi thờ các vị Thủy tổ khai canh ra vùng đất làng Phú Xuân. Ngày nay, đình làng Phú Xuân tọa lạc tại số 69 đường Thái Phiên, phường Tây Lộc, thành phố Huế. Kiến trúc đình làng Phú Xuân đã được công nhận di tích kiến trúc nghệ thuật cấp Quốc gia, theo Quyết định số 2754-QĐ/BT ngày 15-10-1994.

2.6. Đình làng Lại Thế

Theo Trần Đại Vinh: *“Đình Lại Thế chính thức xây dựng quy mô vào năm 1741, đời chúa Nguyễn Phúc Thu”*. Như vậy, trước đó đình Lại Thế đã được lập nên với các nguyên liệu tranh tre đơn giản, phen dậu dựng khung và dùng rom rạ để lợp mái. Đình có hình dáng gần như

⁵ Trần Đại Vinh (chủ biên) (2018), *Làng Văn vật Thừa Thiên Huế. Tập 2*, Nxb Thuận Hóa, Huế, tr. 207.

ngày hôm nay là nhờ vào cuộc đại trùng tu và xây mới vào năm 1741. Ngoài ra, “trên các xà đã chạm đủ các dòng chữ Hán ghi lại các thời điểm tái thiết trùng tu đình: 1781, 1845, 1891, 1998”[6]. Đình Lại Thế không hề có sự dịch chuyển, chỉ là phát triển hơn về mặt kiến trúc và quy mô. Ngày nay, đình gồm có ba gian hai chái kép, mái hiên trước lưng chừng tạo thành năm gian, đắp thêm một đường nóc thấp trang trí lưỡng long triều nhật tương đồng với nóc đình. Đây là một kiểu giá tiền đường nhưng thực chất ngôi đình không tiền đường, hệ thống vì kèo gỗ đặt trên 54 cột chịu lực (trong đó, cột nhất tả tiền $D = 280$ mm), với kiểu thượng trên hạ xuyên, kích thước thon gọn làm cho đình thanh thoát. Đình Lại Thế nay đã được công nhận di tích kiến trúc nghệ thuật cấp Quốc gia, theo quyết định số 05-2001/QĐ-BVHTT ngày 19-01-2001.

2.7. Đình làng An Hòa

Làng An Hòa có An Hòa Thượng và An Hòa Hạ. *Phủ biên tạp lục* của Lê Quý Đôn đã ghi “cả hai làng thuộc tổng An Hòa, huyện Hương Trà. An Hòa Thượng nay thuộc phường Hương An, thị xã Hương Trà. Trước đây, địa hình gò đồi nơi này thường được chọn làm phân mộ táng các vị tổ tiên thuộc các dòng họ của làng An Hòa”[7].

Trên vùng đất của làng An Hòa, đình làng An Hòa ngày nay tọa lạc gần cầu An Hòa, đi từ đầu đường Lý Nam Đế dọc theo bờ bắc của sông Kê Vạn, đi vào khoảng 100 m. Đình làng An Hòa cũ vốn được làm bằng gỗ, mái lợp tranh, tre. Đến cuối thế kỷ XVIII đình được lợp ngói. Như vậy, có thể nhận định rằng, đình cũ của làng An Hòa được dựng vào khoảng thời kỳ thành lập làng 1776 và khoảng năm 1804 đình được dời đến như vị trí hiện nay. Dưới đời Tự Đức và Khải Định, đình đã trải qua 2 đợt trùng tu. Đến năm 1947, đình làng An Hòa đã bị triệt giải theo chủ trương “tiêu thổ kháng chiến”. Năm 1958, đình được xây dựng lại với hệ kết cấu cột kèo bằng gỗ, riêng các cột phân tiền đình được đúc bằng xi măng. Một lần nữa, đình lại bị hư hỏng nặng do cuộc chiến mùa xuân năm 1968 (Mậu Thân), sau đó đình làng An Hòa đã được xây dựng trở lại vào năm 1970. Những năm sau 1975, đình bị tận dụng làm kho chứa muối nên lại bị hư hỏng nặng. Đến năm 1995 nhân dân đóng góp trùng tu lại các bức tường vách của đình. Đình An Hòa có được như ngày hôm nay là nhờ vào cuộc đại trùng tu năm 2008 với sự đóng góp của người dân đang sinh sống trong làng và ở xa quê hương.

3. Dấu ấn văn bia cho thấy buổi đầu xây dựng đình làng

Vào giai đoạn này, văn bia đình làng là vết tích gần như duy nhất và quan trọng còn hiện hữu gắn liền trên khuôn viên sân đình, hiên đình hoặc trên tường của kiến trúc ngôi đình ở Thừa Thiên Huế. Văn bia đình cho thấy nhiều giá trị văn hóa, thông tin quan trọng của dân cư

⁶ Trần Đại Vinh (chủ biên) (2018), *Làng Văn vật Thừa Thiên Huế. Tập 2*, Nxb Thuận Hóa, Huế, tr. 145–150.

⁷ Trần Đại Vinh (2006), *Văn bia và văn chuông Hán Nôm dân gian Thừa Thiên Huế*, Nxb Thuận Hóa, Huế, tr. 35.

bản địa trong suốt quá trình mở cõi, nhưng ba dấu mốc nổi bật nhất là: quá trình quản tụ của cư dân thành lập làng, quá trình xây dựng và thời gian trùng tu đình làng.

Theo Nguyễn Lâm Thắng thì có đến 19 văn bia đình làng, trong đó 18/19 văn bia đề cập đến quá trình xây dựng, trùng tu đình làng Huế, 16 bia có ghi cụ thể thời gian (triều đại, niên hiệu, can chi, ngày tháng)[8].

Để nhìn nhận rõ hơn từ các thông tin văn bia trên các đình làng, trong khuôn khổ bài viết, xin dẫn nhập một số văn bia của đình làng trong thời kỳ Phú Xuân này.

Trong bản dịch của văn bia đình làng Văn Xá có đoạn *...“Kính nghĩ đình cũ lợp ngói, quy chế rộng lớn, gặp chiến tranh Tây Sơn tàn phá không còn gì, thân nhân khổ sở. Đâu đòi Gia Long, đất nước đại định, dân làng khôi phục lại đình tranh để thờ”*[9]. Như vậy, theo Lê Nguyễn Lưu thì đình làng Văn Xá *“không rõ thời điểm khởi dựng chính xác, đại ước vào thế kỷ XVII, nguyên tại mặt trước đường làng cũ, bị phá hủy thời Tây Sơn”*[10] (Hình 2).

Ngoài ra, ở phần cuối của bia đình làng Văn Xá còn có bài thơ được viết theo thể tứ ngôn, trong đó có đoạn viết về việc trùng tu đình làng. Bài thơ có đoạn dịch rằng:

*“...Cung kính cẩn thận
Chầy ngày mới lên
Đình này vùi vùi
Đất nước đẹp thay!
Mở mang xây cất
Như xưa đến nay
Mây thì rờ rờ
Gió lại phong phanh
Giữ lại linh tích
Cung kính thom lành...”* [11]

Đình làng Văn Xá đã bị tàn phá không còn gì bởi thời Tây Sơn. Sau đó, vào đầu đời vua Gia Long, ngôi đình đã được người dân dựng tạm lại bằng tranh tre để thờ Thành hoàng.

Trải qua thời gian, đến năm Tự Đức thứ 18 (1865) thì đình làng Văn Xá được dời ra vị trí hiện nay và được kiến tạo và có hình dáng như bây giờ. Năm 1961, đình làng Văn Xá được đại trùng tu. Sau đó là những năm 1994–1995, đình làng lại được trùng tu thêm lần nữa, nhưng kiến trúc nguyên thủy của đình vẫn được giữ nguyên.

⁸ Nguyễn Lâm Thắng (2010), *Nghiên cứu hệ thống văn bia đình Thừa Thiên Huế*, Luận văn thạc sĩ Hán Nôm, Đại học Quốc gia Hà Nội, Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, tr. 56.

⁹ Trần Đại Vinh (2006), *Văn bia và văn chương Hán Nôm dân gian Thừa Thiên Huế*, Nxb. Thuận Hóa, Huế, tr. 147.

¹⁰ Lê Nguyễn Lưu, *Đình làng Văn Xá và bài văn bia của Vũ Phạm Khải*, Trong sách, *Tuyển tập Những bài nghiên cứu về triều Nguyễn*, Tạp chí Nghiên cứu và Phát triển, Sở Khoa học, Công nghệ và Môi trường Thừa Thiên Huế, Trung tâm Bảo tồn Di tích cố đô Huế xuất bản, Huế, 2002, tr. 463.

¹¹ Nguyễn Lâm Thắng (2010), *Nghiên cứu hệ thống văn bia đình Thừa Thiên Huế*, Luận văn thạc sĩ Hán Nôm, Tlđđ, tr. 44.



Hình 2. Văn bia đình làng Văn Xá được đặt dựng ở giữa bức bình phong của đình

Văn bia đình làng Long Hồ Thượng ở phường Hương Hồ, thị xã Hương Trà, được gắn sát vào tường. Ở đoạn cuối của văn bia có đoạn dịch rằng: “... Bèn vào ngày mồng 10 tháng 9 năm ngoái, bốn xã cùng nhau bàn bạc cử hương chính Lê Văn Niên làm hội chủ, đêm ngày siêng năng ra sức cố gắng, cùng với tú tài Hoàng Đình Cử, viên tử Nguyễn Văn Kỳ, Nguyễn Văn Thanh lo đôn đốc mua cây gỗ, bắt dân chở về quy trí. Lại mời quan viên chức sắc và dân làng cùng nhau bàn bạc đóng góp đầy đủ vật liệu, lấy ngày 16 tháng 6 năm Tự Đức thứ 21 (1868) khởi công qua mùa thu thì hoàn tất. Lại chiếu theo trên chấn tâm của đình có khắc: “Năm Cảnh Hưng thứ 14 (1753) Hoàng Đình Chương trùng tu”, nay thiết nghĩ chấn tâm vốn ở chỗ gian giữa thờ thần, ghi rõ họ tên sợ không hợp, bàn tạo đá làm bia để truyền mãi mãi. Kính soạn văn bia: bốn xã Trăn Thiện Toán” [12]. Như vậy, từ văn bia ở đình làng Long Hồ Thượng có thể thấy rằng kiến trúc ngôi đình đã được dựng trước năm Cảnh Hưng 14 (1753), sau đó đã được Hoàng Đình Chương trùng tu và được khắc trên chấn tâm (đòn dong thượng lương) của đình.

Hơn nữa, mở đầu bài văn bia của đình làng Long Hồ Thượng cũng đã có ghi “Ngày tháng 8 năm Tự Đức thứ 21 (1868), bốn xã dựng đình, thuật lại sự tích, làm ra văn bia, lời rằng: Thân dựa vào người để được cúng tế, người được thân giúp đỡ để được dài lâu. Trước đây tổ tiên dựng đình, rường cột rui mèn đã lo cho vững bền, vì muốn để cho đời sau, đời đời kế tục nối tiếp, hiem vì cây gỗ lâu năm đã mục nát nhiều. Vào năm Thiệu Trị thứ 4 (1844) ngày mồng 9 tháng 9 chột gặp bão lớn, đình đã bị sụp đổ...” [13] (Hình 3).

¹² Trần Đại Vinh (2006), *Văn bia và văn chương Hán Nôm dân gian Thừa Thiên Huế*, Sdd, tr. 163.

¹³ Trần Đại Vinh (2006), *Văn bia và văn chương Hán Nôm dân gian Thừa Thiên Huế*, Sdd, tr. 164.



Hình 3. Văn bia của đình làng Long Hồ Thượng và bia đá được dịch

Thông tin từ bản dịch văn bia của đình trên cho thấy, trước đây đình làng Long Hồ Thượng đã được dựng theo hệ nhà rường với cột – rui – mèn rất bền vững. Tuy nhiên, do thời gian lâu năm, các cây gỗ, hệ cột – rui – mèn đã bị mục nát và bị sụp đổ bởi cơn bão lớn vào năm 1844.

Ngoài ra, nội dung dịch nghĩa trên văn bia được áp vào tường ở phía tả của đình làng Hạ Lang ở xã Quảng Phú, huyện Quảng Điền cũng cho biết năm xây dựng đình làng Hạ Lang là 1765 và các mốc thời gian trùng tu của đình cũng như yếu tố phong thủy rất được coi trọng. Việc chọn đất, xem hướng, định giờ cũng được chú trọng trong việc xây dựng đình ở thời Phú Xuân. Trên bia đó đoạn dịch: “Đình này tọa Tý, hướng Ngọ, kiêm Nhâm Bính. Trời tạo, đất sinh, núi làm nên án mạnh, nước bọc châu về. Sáng tỏ thay, phúc đức thay, truyền đến nay đã lâu rồi. Cảnh Hưng năm thứ 26 (1765) Ất Dậu mùa thu, ngày 24 tháng 8 bói được nên tốt. Năm Mậu Thìn (1808) Gia Long thứ 7, mùa thu ngày 9 tháng 8 trùng tu. Năm Nhâm Tuất (1862), Tỵ Đức thứ 15 mùa thu, mồng 1 tháng 9 trùng tu như cũ...”[14].

Như vậy, có thể khẳng định rằng, văn bia trên các đình làng ở Thừa Thiên Huế là dấu ấn quan trọng trong việc xác định mốc thời gian trong việc đặt nền móng xây dựng đình, năm tháng trùng tu, việc chọn địa thế, ngày lành tháng tốt cũng như kiến trúc và vật liệu được sử dụng trong xây dựng đình làng ở Phú Xuân thời ấy.

4. Định hướng bảo tồn và phát huy đình làng

Tỉnh Thừa Thiên Huế và vùng đất Phú Xuân nói riêng đã để lại một bề dày lịch sử trong hành trình mở cõi về phía Nam của các chúa Nguyễn. Để có thể khẳng định rằng trên các vùng đất làng mới được khai hoang, khai khẩn vốn dĩ là những vùng đất hoang sơ có cây um tùm rộng lớn thì hình ảnh của các loại hình kiến trúc trong dân gian là đình – chùa – miếu vẫn luôn

¹⁴ Trần Đại Vinh (2006), *Văn bia và văn chương Hán Nôm dân gian Thừa Thiên Huế*, Sđd, tr. 166.

là dấu tích quan trọng để đánh dấu vị trí, mốc thời gian lập làng cũng như thể loại văn hóa kiến trúc của thời ấy.

Vì vậy, công tác khảo tìm, bảo tồn và ghi lại nhằm phát huy giá trị di sản kiến trúc đình làng đã từng tồn tại với thời gian gắn liền với lịch sử vùng Phú Xuân. Có hay chăng bây giờ là những sự ghi chép lại từ *Ô châu cận lục*, *Phủ biên tạp lục* và văn bia còn giữ lại trên các ngôi đình, các sắc phong chiếu dụ của thời nhà Nguyễn, hay đầu đó trên các đòn dông, trụ gỗ của các đình xưa vẫn còn giữ lại bởi sự ghi chép của các bậc cao niên hoặc các sử gia nhà Nguyễn.

Việc nghiên cứu kiến trúc đình làng ở Phú Xuân xưa và Thừa Thiên Huế nay cũng đã góp phần trong việc bảo tồn và phát huy giá trị di sản của Huế, đồng thời lưu giữ lại các bản vẽ kiến trúc đình làng để cho thế hệ mai sau biết được giá trị của loại hình kiến trúc cộng đồng truyền thống này. Bởi lẽ, đình làng ở tỉnh Thừa Thiên Huế có nhiều tương đồng với nhà Rường, phủ đệ của Hoàng tộc và cung điện của triều Nguyễn. Vì vậy, có thể nói rằng đình làng ở Thừa Thiên Huế là công trình giao thoa kiến trúc, kết nối chuyển thể giữa kiến trúc nhà ở dân gian và kiến trúc cung đình.

Ngày nay, việc lựa chọn đối tượng khảo sát, việc nỗ lực đánh giá về mặt giá trị lịch sử của ngôi đình trên quan điểm của người nghiên cứu kiến trúc hơn là dựa vào yếu tố sự kiện văn hóa, lễ hội hay nhân vật lịch sử liên quan đến ngôi đình. Bên cạnh đó, chúng tôi cho rằng giá trị về mặt kiến trúc của ngôi đình được ưu tiên xem xét từ phương diện kỹ thuật và biểu hiện hình dáng của công trình kiến trúc, ở nhiều mức độ, có sức ảnh hưởng đặc biệt nào đó về diện mạo, kết cấu, vật liệu của công trình kiến trúc hay không. Sự đánh giá được xem xét ở tầm quan trọng về ý nghĩa của việc các công trình kiến trúc đó có cùng thời kỳ, cùng phong cách và sự ảnh hưởng của nó đối với hệ thống đình làng xứ Huế nói chung và thời Phú Xuân nói riêng là điều đáng suy ngẫm và quan tâm.

5. Kết luận

Như vậy, so với việc mô tả các công trình kiến trúc dân gian ở Phú Xuân thời các chúa Nguyễn thì kiến trúc chùa, am, miếu được nhắc đến nhiều dưới ngòi bút của các thiền sư và một số tác giả nước ngoài. Trong khi đó, kiến trúc đình làng giai đoạn đó lại bị bỏ ngõ, vậy nên những nhận diện ban đầu của chúng tôi về kiến trúc đình làng vùng Phú Xuân thời chúa Nguyễn phần nào tái hiện được một di sản văn hóa vật thể mà ở đó thể hiện đầy đủ các yếu tố địa hình, địa giới hành chính, văn hóa nghệ thuật, kiến trúc dân gian, văn tự, văn bia đình.

Thiết nghĩ, trong giai đoạn hiện nay, sự trùng tu ồ ạt của các đình làng đã vô tình phá vỡ nhiều tính hệ thống vốn dĩ đã trở thành hoài niệm trong đời sống của dân làng. Vậy nên, cần có những chính sách, kế hoạch nghiên cứu, tu bổ, tôn tạo sao cho vừa giữ được nguyên trạng cấu

kiến gỗ, hoa văn, họa tiết, hình vẽ, rường chái, mái, dầm... để còn có cái đặc trưng của văn hóa Phú Xuân thời chúa Nguyễn trên đất Huế cho hậu thế chiêm ngưỡng.

Trong một chừng mực nào đó có thể, chúng tôi sẽ cố gắng tái hiện lại diện mạo kiến trúc đình làng trên địa bàn Thừa Thiên Huế bằng các phương pháp khảo sát, đo vẽ, hình ảnh, xác định vị trí, ứng dụng công nghệ 3D, thực tế ảo... để chung tay bảo tồn và phát huy kiến trúc đình làng Thừa Thiên Huế xuyên suốt chiều dài lịch sử của một vùng đất có bề dày truyền thống văn hóa, lịch sử, di sản kiến trúc.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Ủy ban Khoa học xã hội Việt Nam (1971), *Lịch sử Việt Nam*. Tập 1, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội.
2. Trần Đại Vinh (chủ biên) (2018), *Làng Văn vật Thừa Thiên Huế*. Tập 2, Nxb. Thuận Hóa, Huế.
3. Lê Quý Đôn (2015), *Phủ biên tạp lục*, Trần Đại Vinh dịch và bổ chính, Nxb. Đà Nẵng.
4. Dương Văn An (2001), *Ô Châu cận lục*. Trần Đại Vinh, Hoàng Văn Phúc dịch chú và hiệu đính, Nxb. Thuận Hóa, Huế.
5. Nguyễn Lâm Thắng (2010), *Nghiên cứu hệ thống văn bia đình Thừa Thiên Huế*, Luận văn thạc sĩ Hán Nôm, Đại học Quốc gia Hà Nội, Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn.
6. Trần Đại Vinh (2006), *Văn bia và văn chuông Hán Nôm dân gian Thừa Thiên Huế*, Nxb. Thuận Hóa, Huế.
7. Lê Nguyễn Lưu (2002), *Đình làng Văn Xá và bài văn bia của Vũ Phạm Khải*, Trong sách, *Tuyển tập Những bài nghiên cứu về triều Nguyễn*, Tạp chí Nghiên cứu và Phát triển, Sở Khoa học, Công nghệ và Môi trường Thừa Thiên Huế, Trung tâm Bảo tồn Di tích cố đô Huế xuất bản, Huế.
8. Wetside: <http://hue.darkvn.net/diem-den/dinh-co-lao/>, Truy cập lúc 21h10' ngày 11.11.2019.

IDENTIFICATION OF VILLAGE COMMUNAL HOUSE ARCHITECTURE IN PHU XUAN AREA DURING NGUYEN'S LORDS' ERA

Pham Dang Nhat Thai, Tran Thanh Nhan

University of Science, Hue University, 77 Nguyen Hue St., Hue, Vietnam

Abstract: During the period of the Nguyen's Lords, Phu Xuan was chosen twice as the main palace: the first time (1687–1712) under the Nguyen Phuc Thai's and the second time (1738–1775) under the Nguyen Phuc Khoat's era. At this time, the Nguyen's Lords left various imprints on architectural works, including those in communal houses. However, nowadays, these old marks have disappeared, and the changes over

time have caused the old communal houses to change in all aspects. Therefore, we initially identify the architecture of Thua Thien Hue's communal houses in the Phu Xuan area under the Nguyen's Lords era. We look into the typical communal houses, namely Van Xuan, Thu Le, Co Lao, Quy Lai, Phu Xuan, Van Xa, Lai The, Long Ho, Ha Lang, and An Hoa in different respects, focusing on the architecture and epitaphs. They are the unique characteristics of these communal houses and are needed to be preserved in the restoration of this kind of architectural heritage.

Keywords: Phu Xuan area, Nguyen's Lords, village communal house, architecture, epitaphs